

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 579/2018/HC-PT

Ngày 23-8-2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai
đối với trường hợp Nhà nước thu
hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn.

Bà Trần Thị Huyền Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 317/2018/TLPT-HC ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2018/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1337/2018/QĐPT-HC ngày 5 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Võ Văn D (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 10, thị trấn PD, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Trần Thị Bích Th, (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 7, phường ĐV, thành phố PR - TC, tỉnh Ninh Thuận (theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2018).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện NS, tỉnh Ninh Thuận

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NS (vắng mặt – xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Thành Q (có mặt).

Địa chỉ: Thị trấn TS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận.

Người kháng cáo: Người khởi kiện - ông Võ Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện, ông Võ Văn D và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Diện tích 3.517,3m² thuộc thửa đất số 17 và 35, mảnh trích đo địa chính số 2, tại xã QS, huyện NS có nguồn gốc của bà Bùi Thị Tr tạo lập và sử dụng ổn định. Năm 2010, do bà Tr già yếu nên làm giấy giao đất lại cho con là Phạm D1. Năm 2015, vợ chồng ông D1 không có nhu cầu sử dụng đất đã bán lại cho ông D. Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện NS về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án công trình Kênh chính đập dâng TM có nội dung xác định diện tích 3.517,3m² nêu trên do UBND xã QS quản lý là không đúng. Vì vậy, ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện NS; yêu cầu thực hiện bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật; yêu cầu bồi thường danh dự cho ông D do việc UBND huyện NS cho rằng ông D đã có hành vi lấn chiếm, sử dụng đất của xã QS.

- Người bị kiện, Ủy ban nhân dân huyện NS trình bày:

Dự án Kênh chính đập dâng TM được Trung ương hỗ trợ đầu tư và được phê duyệt tại Quyết định số 3088/QĐ-BNN-XD ngày 04/8/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong tổng diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án có 3.517,3m² do hộ ông D đang sử dụng. Hồ sơ xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của UBND xã QS ngày 13/6/2016 thể hiện: Vào tháng 8/2015, ông D1 tự phát dọn chặt cây rừng để trồng chuối, cây Tràm, Xoan. Ngày 23/11/2015, ông D1 sang nhượng cho ông D. Căn cứ điều 12 Luật Đất đai 2013 thì việc sử dụng đất của ông D thuộc hành vi bị nghiêm cấm. Thực hiện chỉ đạo của Thường trực tỉnh ủy tại Thông báo số 172/TB-UB ngày 02/3/2017 và Văn bản số 753/UBND-NC ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận có nội dung:

1. Chấp thuận chủ trương bồi thường, hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014.... Không nằm trong quy hoạch đất rừng;

2. Chấp thuận chủ trương hỗ trợ bồi thường cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 ... nằm trong quy hoạch đất rừng; mức hỗ trợ bằng mức bồi thường đất.

3. Đối với trường hợp lấn, chiếm đất sau ngày 01/7/2014 thì không được bồi thường, hỗ trợ.

Như vậy, UBND huyện NS xác định 3.517,3m² thửa đất số 17 và 35, mảnh trích đo địa chính số 2 là đất có nguồn gốc lấn chiếm do UBND xã QS quản lý sau ngày 07/01/2014 nên không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất. Vì vậy, UBND huyện NS không đồng ý yêu cầu hủy Quyết định số 2008/QĐ-UBND.

Tại Bản án số 07/2018/HC-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, 164, điểm a khoản 2 Điều 193, 194, 206, 213 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 12, Điều 22, khoản 1 Điều 75, Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn D về việc:

- Hủy Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện NS về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Công trình kênh chính đập dâng TM (thuộc hệ thống thủy lợi TM) đoạn qua xã QS, huyện NS;

- Yêu cầu thực hiện bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

- Yêu cầu bồi thường danh dự cho ông D về việc UBND huyện NS vu khống hành vi lấn chiếm, sử dụng đất của xã QS.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/6/2018, đại diện ủy quyền của ông D là bà Trần Thị Bích Th kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện ủy quyền của ông D giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Đất bị thu hồi do ông D nhận chuyển nhượng của ông D1 vào tháng 11/2015 có nguồn gốc do bà Tr sử dụng từ năm 1980 đến năm 2010 thì giao lại cho ông D1. Quá trình sử dụng đất thì bà Tr không đăng ký kê khai sử dụng đất theo quy định pháp luật. Phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, đề nghị chấp nhận kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của ông D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Ông D nhận chuyển nhượng đất của ông D1 tháng 11/2015. Đất này do ông D1 khai phá, không phải đất của bà Tr nên bà Tr không kê khai đăng ký sử dụng đất. Khi chuyển nhượng cho ông D thì ông D1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đủ điều kiện bồi thường. Đề nghị bác kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Thủy xác nhận ông D nhận chuyển nhượng phần đất bị thu hồi của ông D1 vào ngày 23/11/2015. Ông D1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không có căn cứ chứng minh đất do bà Tr sử dụng. Ngoài ra, bà Tr giao đất cho ông D1 nhưng chỉ là bản viết tay không được chính quyền địa phương xác nhận, giấy giao đất cũng không xác định vị trí cụ thể. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Võ Văn D đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét Quyết định bị khiếu kiện số 2008/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện NS.

[2.1] *Về trình tự thủ tục ban hành:*

Ngày 04/8/2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 3088/QĐ-BNN-XD về việc phê duyệt Dự án Kênh chính đập dâng TM. Ngày 11/4/2016, UBND huyện NS ban hành Thông báo thu hồi đất số 68/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án công trình tuyến đường ống Kênh chính (tuyến Kênh chung) trên địa bàn thị trấn Tân Sơn; Kênh chính và đường thi công trên địa bàn xã QS và đường thi công trên địa bàn. Ngày 19/9/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện NS có Tờ trình số 259/TTr-TNMT về việc đề nghị thu hồi đất do 12 hộ gia đình, cá nhân sử dụng tại xã QS để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án công trình Kênh chính đập dâng TM. Ngày 13/9/2016, Hội đồng thẩm định UBND huyện NS thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án công trình. Ngày 21/9/2016, UBND huyện NS ban hành Quyết định số 2008/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Công trình kênh chính đập dâng TM (thuộc hệ thống thủy lợi TM) đoạn qua xã QS, huyện NS. Như vậy, Quyết định số 2008/QĐ-UBND được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 69 của Luật Đất đai 2013.

[2.2] *Về thẩm quyền ban hành:* Căn cứ khoản 2, Điều 66 Luật Đất đai năm 2013, UBND huyện NS ban hành Quyết định số 2008/QĐ-UBND và Chủ tịch UBND huyện NS thay mặt UBND huyện ký ban hành quyết định là đúng thẩm quyền.

[2.3] *Về nội dung:* Theo Giấy xác nhận ngày 13/6/2016 của UBND xã QS, có nội dung: Vào Tháng 8/2015, ông D1 tự phát dọn chặt cây rừng để trồng chuối, cây tràm, xoan đến ngày 23/11/2015 thì sang nhượng lại cho ông D sử dụng cho đến nay. Tại Biên bản làm việc ngày 31/5/2016 của UBND xã QS về việc xác minh nguồn gốc đất, có nội dung: Nguồn gốc đất do ông D1 tự khai hoang (phát cây rừng) vào tháng 8/2015 và sử dụng để trồng chuối, cây tràm, cây xoan đến ngày 23/11/2015 sang nhượng lại cho ông D sử dụng ổn định cho đến nay không tranh chấp. Thửa đất này không phải của bà Bùi Thị Tr. Biên bản này ông D đã thống nhất và ký tên. Quá trình tố tụng, ông D cung cấp Giấy giao đất canh tác đề ngày 15/9/2010 của bà Tr nhưng chỉ là bản viết tay, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận bà Tr có quyền sử dụng đối với diện tích 3.517,3m²

nêu trên, ông D cũng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ khác chứng minh quyền sử dụng đất đối với diện tích bị UBND huyện NS thu hồi. Việc ông D cho rằng đất bị thu hồi có nguồn gốc do bà Tr sử dụng từ năm 1989 nhưng không có căn cứ chứng minh. Tại phiên tòa, đại diện uỷ quyền của ông D cũng xác nhận bà Tr không đăng ký kê khai sử dụng đất. Vì vậy, có căn cứ xác định nguồn gốc 3.517,3m² do ông D1 lấn chiếm từ tháng 8/2015, sau đó chuyển nhượng cho ông D.

[3] Như vậy, UBND huyện NS ban hành Quyết định số 2008/QĐ-UBND là đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Ông D không đủ điều kiện bồi thường đối với diện tích 3.517,3m² nêu trên nhưng đã được hỗ trợ về tài sản trên đất theo các Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 và Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND huyện NS với tổng số tiền 14.165.000 đồng là có căn cứ.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện Kiểm sát bác kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 1 Điều 12, Điều 22, khoản 1 Điều 75, Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn D.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn D về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện NS về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Công trình kênh chính đập dâng TM (thuộc hệ thống thủy lợi TM) đoạn qua xã QS, huyện NS;

- Yêu cầu thực hiện bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

- Yêu cầu bồi thường danh dự cho ông D về việc Ủy ban nhân dân huyện NS vu khống hành vi lấn chiếm, sử dụng đất của xã QS.

3. Án phí:

- *Án phí sơ thẩm:* Ông Võ Văn D phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0013947 ngày 09/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận, ông D đã nộp xong.

- *Án phí phúc thẩm:* Ông Võ Văn D phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0017188 ngày 20/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận, ông D đã nộp xong.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự (2);
- Lưu VT (3), HS (2) 15b (án 09).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đức Phương